

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ QUAO  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2025

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Danh Thị Kiều Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lương Thị Hồng Hạnh

Ông Võ Văn Liềm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa:

\*Nguyên đơn: ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang

\* Bị đơn: bà **Thái Thị P**, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2025, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H như sau:**

Ông và bà Thái Thị P tự quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng một thời gian ngắn thì hai người tự nguyện sống chung như vợ chồng với nhau từ năm 1995, ông bà không có tổ chức đám cưới và từ năm 1995 đến nay ông bà cũng không có đăng ký kết hôn. Ông bà sống hạnh phúc đến năm năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người không hợp và vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên vợ chồng ông đã tự ly thân từ năm 2005 đến nay. Trong thời gian ly thân từ năm 2005 đến nay, ông bà sống mỗi người sống một nơi, nay ông H xét thấy không thể quay lại sống chung với nhau được nữa vì ông bà đã không còn tình cảm với nhau và đã ly thân quá lâu nên ông H quyết định ly hôn với bà P.

Quá trình chung sống, vợ chồng ông có hai người con chung tên Nguyễn Thái N, sinh ngày 09/7/1998 và Nguyễn Thái D, sinh ngày 21/3/2001; hai người con giờ đã trưởng thành trên 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung ông xác định là không có.

**Tại phiên tòa**, ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân ông H yêu cầu ly hôn với bà Thái Thị P. Về con chung có hai người tên Nguyễn Thái N, sinh ngày 09/7/1998 và Nguyễn Thái D, sinh ngày 21/3/2001; hai người con đều đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung ông H xác định là không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Thái Thị P trình bày:** bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Văn H về ngày tháng năm sống chung với nhau, bà thừa nhận là bà và ông H không có tổ chức đám cưới và cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, ông bà tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1995 đến năm 2005 thì ông bà đã tự ly thân mỗi người sống một nơi vì do hai người không hợp nhau. Bà và ông H có hai người con chung tên Nguyễn Thái N, sinh ngày 09/7/1998 và Nguyễn Thái D, sinh ngày 21/3/2001. Bà xác định bà và ông H không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

**Tại phiên tòa**, Về hôn nhân bà P đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Về con chung là Nguyễn Thái N, sinh ngày 09/7/1998 và Nguyễn Thái D, sinh ngày 21/3/2001 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung bà P xác định là không có nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]** Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn H yêu cầu ly hôn với bà Thái Thị P và bị đơn là bà P có địa chỉ tại ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án Gò Quao xác định quan hệ pháp luật “ly hôn” và thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[2]** Về hôn nhân: ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1995, ông bà không có tổ chức đám cưới và thời gian chung sống với nhau từ năm 1995 đến nay ông bà vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Tại phiên tòa, ông H và bà P đều cho rằng hai người không hợp và thường xuyên cãi nhau nên ông, bà đã tự ly thân từ năm 2005 đến nay. Ông H và bà P đều có nguyện vọng ly hôn với nhau. Do hôn nhân của ông bà không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét

yêu cầu ly hôn của ông bà; mà cần áp dụng Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị P là quan hệ vợ chồng.

[3]Về con chung: ông H, bà P đều xác nhận có hai người con chung tên Nguyễn Thái N, sinh ngày 09/7/1998 và Nguyễn Thái D, sinh ngày 21/3/2001; hai con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX miễn xét.

[4]Về tài sản chung và nợ chung: ông H, bà P xác định là không có nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]Án phí hôn nhân bằng 300.000đồng ông H phải nộp do ông có yêu cầu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 53 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Về hôn nhân không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị P là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: ông Nguyễn Văn H phải nộp án phí là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010186 ngày 03/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, ông H đã nộp xong án phí HNST.

4. Ông H, bà P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 31/3/2025.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

*(Đã ký)*

**Danh Thị Kiều Oanh**